

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/HS-ST.

Ngày: 04-3-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tạ Hồng Hà

Ông Nguyễn Hữu Pháp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Thị Hàn Ni - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 0 năm 2021, đối với các bị cáo:

**1. Lê Thanh H**, sinh năm 1982. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Lê Trường S (chết) và bà Đào Thị S (chết); vợ là Phạm Thị M – sinh năm 1982, có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Lưu Hoàng T**, tên gọi khác là: T Dẹo. Sinh năm 1990. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn X1, xã H, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Lưu Văn L - sinh năm 1964 và bà Lê Thị T – sinh năm 1965; vợ là Nguyễn Thị Diễm C – sinh năm 1995; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 10/01/2017, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000 đồng về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đã nộp phạt ngày 11/7/2017; ngày 12/01/2018, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 12/01/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**3. Lê Ngọc H**, sinh năm 1980. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới Th: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Lê Ngọc H – sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị M – sinh năm 1955; từng có vợ là Lê Thị Kim L – sinh năm 1991 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**4. Lê Hùng P**, sinh năm 1991. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới Th: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Lê Văn X – sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1968; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**5. Võ Hữu T**, sinh năm 1997. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới Th: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Võ Hữu T – sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1979; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**6. Huỳnh Xuân L**, sinh năm 1999. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới Th: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Huỳnh M – sinh năm 1967 và bà Trần Thị Tuyết S; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**7. Trịnh Thị T**, sinh năm 1969. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: kinh; giới Th: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; không theo tôn giáo; con ông Trịnh C (chết) và bà Lê Thị S - sinh năm 1930; chồng là Trần Văn T – sinh năm 1969; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*- Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Luật sư Nguyễn N – , Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên, bào chữa cho bị cáo Lưu Hoàng T.

2. Luật sư Ngô Minh T – Văn phòng Luật sư số 1 Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị T.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. L Hoài L – sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thành L – sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Trịnh Bảo B – sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn X1, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Trần Văn T – sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5. Huỳnh Ngọc T – sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn L, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt không có lý do.

6. Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 133 Cư xá L, P 1, Q3, Tp Hồ Chí Minh. Vắng mặt không có lý do.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Thị N – sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 13/3/2020, Công an xã H bắt quả tang một số người đang tham gia đánh bạc được thua B tiền dưới hình thức xóc đĩa tại nhà của Trịnh Thị T thuộc thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Tại thời điểm bắt quả tang, Công an xã H bắt giữ được Lê Thanh H, Lưu Hoàng T, Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T; thu giữ tại chiếu bạc 1.800.000 đồng, tiền rơi vãi xung quanh chiếu bạc là 6.000.000 đồng; thu trên người Lưu Hoàng T 300.000 đồng là tiền sẽ sử dụng đánh bạc. Đến ngày 16/3/2020, Huỳnh Xuân L ra trình diện và khai nhận cùng tham gia đánh bạc số tiền 300.000 đồng, thua 150.000 đồng còn lại giao nộp 150.000 đồng. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận bắt đầu đánh bạc từ khoảng 14 giờ cùng ngày. Trịnh Thị T là người lấy chén sù, đĩa sù và 01 cái mền trong nhà mình cho Lê Thanh H và những người đến chơi sử dụng đánh bạc, Lê Thanh H là người cầm cái, những người còn lại đặt cược. Số tiền mỗi bị cáo dùng đánh bạc như sau: Lê Thanh H sử dụng 3.000.000 đồng; Lưu Hoàng T sử dụng 1.000.000 đồng; Lê Ngọc H sử dụng 450.000 đồng; Võ Hữu T sử dụng 200.000 đồng; Huỳnh Xuân L sử dụng 300.000 đồng. Trịnh Thị T không tham gia đánh bạc.

Ngoài các bị cáo trên thì còn có một số đối tượng khác tham gia đánh bạc nhưng đã chạy thoát khi bắt quả tang, cơ quan điều tra không xác định được cụ thể đối tượng nào và số tiền đánh bạc nên không có căn cứ xử lý. Đối với Trịnh Thị T thì vào ngày 11/3 và 12/3/2020, T có cho người khác sử dụng nhà mình chơi xóc đĩa, ngày 11/3 người chơi (không rõ là ai) cho T là 500.000 đồng, ngày 12/3, Lê Thanh H cho T 100.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTH ngày 11/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố; các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt và xin nhận lại các tài sản hợp pháp bị tạm giữ. Bị cáo H xin được hưởng án treo vì có vợ đang bị bệnh ung thư và hai con còn nhỏ. Bị cáo T xin giảm mức phạt tiền vì bị khuyết tật và con nhỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị Tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc; áp dụng khoản

1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Lưu Hoàng T và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo Trịnh Thị T, xử phạt Lê Thanh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, phạt tiền bổ sung từ 20.000.000 đồng – 30.000.000 đồng; phạt tiền Lưu Hoàng T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; phạt tiền Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T, Huỳnh Xuân L, Trịnh Thị T mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị cơ được cất từ bộ bài 52 lá, 01 cái mền màu trắng xanh; tịch thu, nộp ngân sách số tiền 8.250.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, 600.000 đồng do bà T giao nộp tiền được các con bạc cho và 80.000 đồng của Lê Thanh H thắng được do chơi đánh bạc; tịch thu sung quỹ đối với xe gắn máy biển số 78FA – 7528 do không xác định được chủ sở hữu; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các giấy tờ, tiền không dùng vào việc đánh bạc và các xe mô tô bị tạm giữ.

- Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng, tuy nhiên do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có anh ruột là liệt sỹ nên đề nghị mức phạt tiền 10 triệu đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất hình áp dụng hình phạt tiền, tuy nhiên do bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ là người khuyết tật nặng, đang nhận trợ cấp nên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS xử phạt từ 10 đến 20 triệu đồng mức dưới khung quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, các hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản vụ việc khi bắt quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ ngày 13/3/2020, tại nhà của Trịnh Thị T thuộc thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, các bị cáo Lê Thanh H, Lưu Hoàng T, Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T, Huỳnh Xuân L đã có hành vi đánh bạc được thua B tiền dưới hình thức xóc đĩa, trong đó Lê Thanh H sử dụng 3.000.000 đồng; Lưu Hoàng T sử dụng 1.000.000 đồng; Lê Ngọc H sử dụng 450.000 đồng; Võ Hữu T sử dụng 200.000 đồng; Huỳnh Xuân L sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc; Trịnh Thị T tuy không tham gia đánh bạc nhưng cho mượn địa điểm là nhà mình, cung cấp công cụ gồm chén sứ, đĩa sứ, mền cho những người đến chơi sử dụng đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an xã H bắt quả tang thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 8.250.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình

sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã H, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính lĩnh vực an ninh trật tự của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa P, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm khắc đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc với nhau từ trước, mức độ thực hiện tội phạm cũng khác nhau.

[4] Đối với bị cáo Lê Thanh H: Bị cáo là người cầm cái trên chiếu bạc, sử dụng số tiền đánh bạc cao nhất nên có vai trò phạm tội là tích cực và nguy hiểm nhất. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính đối với bị cáo, đồng thời phạt tiền bổ sung mới tương xứng với Th chất và mức độ hành vi phạm tội. Xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đã trải qua thời gian nghĩa vụ quân sự, bị cáo có cha ruột là thương binh hạng 4/4 do tham gia kháng chiến; mặt khác, bị cáo có vợ bị bệnh ung thư và hai con chưa thành niên, bị cáo là lao động chính trong gia đình. H đồng ý xét xử xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[5] Đối với các bị cáo Lưu Hoàng T, Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T, Huỳnh Xuân L và Trịnh Thị T: Xét các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền dùng đánh bạc không lớn, đây là lần đầu phạm tội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã H, HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã H. Tuy nhiên để đảm bảo tương xứng với Th chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, mức phạt tiền đối với các bị cáo là khác nhau. Bị cáo T phạm tội tích cực hơn các bị cáo còn lại nên cần áp dụng mức phạt cao hơn các bị cáo khác, tuy nhiên, bị cáo lại là người khuyết tật nặng, hàng tháng được Nhà nước trợ cấp khuyết tật nên được giảm một phần tiền phạt; các bị cáo Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T, Huỳnh Xuân L có Th chất, mức độ phạm tội tương đương nhau nên mức phạt tiền B nhau; bị cáo T phạm tội với vai trò đồng phạm, là người cho mượn địa điểm, cung cấp công cụ, P tiện nhưng không tham gia đánh bạc nên mức phạt tiền thấp hơn các bị cáo còn lại.

[6] Xét quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T là người khuyết tật nặng; bị cáo T có anh ruột là liệt sỹ; bị cáo H có cha ruột là người tham gia kháng chiến – thương binh hạng 4/4. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX áp dụng cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã H.

[7] Về vật chứng vụ án: Số tiền 8.250.000 đồng là tiền dùng đánh bạc nên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước; 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 4 quân vị, 01 cái mền là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về tài sản tạm giữ: Các tài sản gồm: Xe mô tô 51M7-4895 tạm giữ của vợ chồng Trịnh Thị T; 01 chứng minh nhân dân và 10.000.000 đồng tiền mang theo của Lê Thanh H; số tiền 8.300.000 đồng, xe mô tô 78F1-223.58 và giấy chứng nhận đăng ký xe của Lưu Hoàng T; 01 điện thoại di động hiệu Sony và 10.000.000 đồng tiền mang theo của Lê Ngọc H; xe mô tô 78F1-38450 của Trịnh Bảo B; xe mô tô 78G1-199.51 của bị cáo Võ Hữu T; 02 điện thoại di động của Lê Hùng P; xe mô tô 78G1-278.42 của Nguyễn Thành L; xe mô tô 79Z1-531.54 của L Hoài L; xe mô tô 78G1-284.67 của Huỳnh Xuân L là các tài sản hợp pháp không dùng vào việc đánh bạc nên trả lại cho chủ sở hữu. Riêng số tiền 600.000 đồng tạm giữ của Trịnh Thị T có được do người đánh bạc cho và 80.000 đồng tiền Lê Thanh H đánh bạc thắng là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung quỹ.

[9] Đối với xe gắn máy biển số 78FA-7528 thu giữ tại hiện trường chưa xác định được chủ sở hữu nên cần tiếp tục tạm giữ để thông báo tìm kiếm xác định chủ sở hữu theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự. Trường hợp xác định được chủ sở hữu thì trả lại nếu tài sản này không phải là vật chứng trong vụ án khác, trường hợp không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh H, Lưu Hoàng T, Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T, Huỳnh Xuân L và Trịnh Thị T phạm tội “*đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Hoàng T; áp dụng thêm khoản 2 Điều Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị T và bị cáo Lê Thanh H.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm Th từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù tại bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung đối với Lê Thanh H, buộc bị cáo nộp phạt 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Xử phạt các bị cáo Lưu Hoàng T, Lê Ngọc H, Lê Hùng P, Võ Hữu T, Huỳnh Xuân L, mỗi bị cáo phải nộp phạt số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng trên chiếu bạc, 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tạm giữ của Trịnh Thị T, 80.000 (tám mươi nghìn) đồng tạm giữ của Lê Thanh H. Tịch thu tiêu hủy 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 04 con vị cơ, 01 cái mền.

- Trả lại 01 chứng minh nhân dân và số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng cho Lê Thanh H.

- Trả lại Xe mô tô Biển kiểm soát 51M7-4895 cho vợ chồng bị cáo Trịnh Thị T

- Trả lại số tiền 8.300.000 (tám triệu ba trăm nghìn) đồng, xe mô tô Biển kiểm soát 78F1-223.58 và giấy chứng nhận đăng ký xe 78F1-223.58 cho Lưu Hoàng T.

- Trả lại số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Sony cho Lê Ngọc H.

- Trả lại xe mô tô Biển kiểm soát 78F1-384.50 cho Trịnh Bảo B.

- Trả lại xe mô tô Biển kiểm soát 78G1-199.51 cho Võ Hữu T.

- Trả lại 02 điện thoại di động cho Lê Hùng P.

- Trả lại xe mô tô Biển kiểm soát 78G1-278.42 cho Nguyễn Thành L.

- Trả lại xe mô tô Biển kiểm soát 79Z1-531.54 cho L Hoài L.

- Trả lại xe mô tô Biển kiểm soát 78G1-284.67 cho Huỳnh Xuân L.

- Tiếp tục tạm giữ xe gắn máy Biển kiểm soát 78FA-7528. Giao Cơ quan thi hành án dân sự huyện T có trách nhiệm thực hiện thông báo tìm kiếm chủ sở hữu theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự để làm căn cứ xử lý. Trường hợp xác định được chủ sở hữu thì trả lại cho chủ sở hữu nếu tài sản này không phải là vật chứng bị tạm giữ trong vụ án khác. Hết thời hạn thông báo mà không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ.

Vật chứng là tiền có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận tài sản ngày 05/8/2020 giữa Công an huyện T và Kho bạc Nhà nước huyện T tỉnh Phú Yên. Các vật chứng còn lại có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật

chứng ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tỉnh Phú Yên.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23, mục A danh mục án phí lệ phí Tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- L hồ sơ.

**TM . H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thành Vinh**